TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Hữu Dần và bà Tống Thị Điệp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th - Sinh năm: 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà X, đường H, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mai S - Sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, đường H, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - Bà Phạm Thị Th trình bày:*

Bà Th và ông Nguyễn Mai S tự nguyện chung sống với nhau và vợ chồng ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18 tháng 3 năm 2002.

Vợ chồng ông bà chỉ sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Ông S thường xuyên nhậu nhẹt, uống rượu rồi về quậy phá, đánh đập bà Th và các con dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc.

Trước đây, bà Th có làm đơn gửi lên tổ khối và có mời vợ chồng ông bà đến hòa giải, khuyên ông S bỏ rượu bia, tu chí làm ăn để nuôi dạy các con nhưng ông S vẫn không thay đổi mà càng ngày càng đánh đập, hành hạ bà Th nhiều hơn. Vào khoảng năm 2013, bà Th không thể tiếp tục chung sống với ông S được nữa nên bà và các con đã chuyển về nhà mẹ để sống. Nay bà Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông S nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông Nguyễn Mai S.

Về con chung: Vợ chồng bà Th, ông Sơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày: 05/01/2002 và cháu Nguyễn Thủy D, sinh ngày: 10/5/2005. Khi ly hôn nguyện vọng của bà Th là được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn - ông Nguyễn Mai S trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị Th tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18 tháng 3 năm 2002. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn gì. Nay bà Th làm đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn. Về con chung do ông S không đồng ý ly hôn nên vấn đề con chung không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Mai S đến Tòa án nhưng ông S không đến Tòa án làm việc nên không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Th với ông Nguyễn Mai S.

Giao cháu Nguyễn Thị Thu H và cháu Nguyễn Thủy D cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Th không yêu cầu ông Sơn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th là tranh chấp về ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Th vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Mai S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Mai S chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18 tháng 3 năm 2002. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa, bà Th xác định hiện nay bà không còn tình cảm vợ chồng với ông S nữa. Quá trình duy trì hôn nhân giữa bà Th và ông S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông S thường xuyên nhậu nhẹt, uống rượu rồi về quậy phá, đánh đập bà Th và các con dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Trước đây, bà Th đã nhiều lần hòa giải, khuyên ông S bỏ rượu bia, tu chí làm ăn để nuôi dạy các con nhưng ông S vẫn không thay đổi mà càng ngày càng đánh đập, hành hạ bà Thảo nhiều hơn. Nay bà Thảo yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S; phía ông S không đồng ý ly hôn với bà Th.

Quá trình xác minh địa phương cung cấp: Quá trình chung sống giữa bà Th và ông S xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S đã nhiều lần uống rượu bia về nhà đánh đập bà Th. Ông S đi uống rượu về nhà đập phá đồ đạc và đánh đập bà Th, bà Th đã nhiều lần báo chính quyền địa phương và công an giải quyết, tổ dân phố cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng ông S vẫn không thay đổi. Nay bà Th xin ly hôn với ông S thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Mai S đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng bà Th, ông Sơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày: 05/01/2002 và cháu Nguyễn Thủy D, sinh ngày: 10/5/2005. Khi ly hôn, nguyện vọng của bà Th là được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu D đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, cháu D và cháu H đang sống cùng với bà Th và nguyện vọng của các cháu là được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của các cháu H, cháu D nên giao

cháu Nguyễn Thị Thu H và cháu Nguyễn Thủy D cho bà Phạm Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[5] *Về án phí:* Bà Phạm Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Th.

Bà Phạm Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Mai S.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày: 05/01/2002 và cháu Nguyễn Thủy D, sinh ngày: 10/5/2005 cho bà Phạm Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi);

2.2. Ông Nguyễn Mai S không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Ông Nguyễn Mai S có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0012089 ngày 22 tháng 3 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Đương sự mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P. Th,
TP. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

VŨ VĂN ĐỨC